

VỊ TRÍ HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ - LAO ĐỘNG TRONG CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA KARL MARX VÀ TRONG LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT VỀ GIÁ TRỊ

THE POSITION OF LABOR-VALUE THEORY
IN KARL MARX'S ECONOMIC THEORIES AND IN THE HISTORY
OF THE DEVELOPMENT OF THEORIES OF VALUE

HỒ TẤN PHONG^(*)

TÓM TẮT: Trong nhiều lý thuyết khác nhau về giá trị, học thuyết giá trị do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa tạo nên (gọi tắt là giá trị - lao động) do những nhà kinh tế cổ điển Anh sáng lập, được Karl Marx kế thừa, chọn lọc và phát triển thành một học thuyết khoa học. Phân tích nền sản xuất tư bản trên cơ sở học thuyết giá trị - lao động, Karl Marx đã xây dựng nên học thuyết giá trị thặng dư, cũng như toàn bộ các học thuyết kinh tế khác. Điều đó xác định vị trí của học thuyết này trong các học thuyết kinh tế của Karl Marx, cũng như trong lịch sử phát triển các lý thuyết về giá trị.

Từ khóa: Karl Marx, học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, các học thuyết kinh tế.

ABSTRACT: In various theories of value, the doctrine of value created by the labor cost of the commodity maker (referred to as value-labor) founded by classical British economists, is Karl Marx inherits, selects and develops into a scientific theory. Based on an analysis of capitalist production based on the doctrine of value-labor, Karl Marx created the theory of surplus value, as well as all other economic theories. That determines the position of this theory in Karl Marx's economic theories, as well as in the history of the development of theories of value.

Key words: Karl Marx, value theory, value-added theory, economic theory.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học thuyết giá trị - lao động là cơ sở của tất cả các học thuyết kinh tế của Karl Marx, đồng thời học thuyết này cũng chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong lịch sử phát triển các lý thuyết khác nhau về giá trị. Bài viết này nhằm làm rõ hơn vị trí học thuyết giá trị của Karl Marx trong lịch sử phát triển các học thuyết về giá trị, nhận thức đầy đủ hơn những cống hiến khoa học của ông về lý luận giá trị, giá trị - lao động

(giá trị do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa tạo ra).

2. NỘI DUNG

Karl Marx (1818-1883) không phải là người đầu tiên nêu lên lý luận giá trị, giá trị - lao động. Trước ông và cùng thời gian đó, có nhiều nhà khoa học đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về giá trị.

Từ thời cổ đại, Aristoteles (384-322 TCN) đã nói về giá trị trao đổi khi phân tích phương trình “5 cái giường = 1 ngôi nhà”. Nhận xét về phương trình này Karl

^(*) TS. Trường Đại học Văn Lang, hotanphong@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH09-28-2018

Marx viết: “*Sự thiên tài của Aristoteles là ở chỗ, trong lúc thể hiện giá trị của hàng hóa ông đã khám phá ra quan hệ ngang giá, có nghĩa là đang bước theo con đường dẫn tới lý thuyết giá trị lao động*” [1, tr.26].

Thời trung cổ, một linh mục người Ý, Augustin Saint (354-340) là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “giá cả công bằng” theo hai nghĩa: *Thứ nhất*, giá cả công bằng phù hợp với chi phí lao động; *Thứ hai*, cùng một hàng hóa có thể có giá cả công bằng khác nhau tùy theo sự đánh giá của các đẳng cấp khác nhau [1, tr.36].

Từ cuối thế kỷ XVIII, ở Anh và Pháp học thuyết kinh tế cổ điển ra đời. Học thuyết kinh tế cổ điển Anh (một trong ba tiền đề lý luận của chủ nghĩa Marx) bắt đầu từ W. Petty (1623-1687) và kết thúc ở D. Ricardo (1772-1823). Lần đầu tiên, các nhà kinh tế cổ điển Anh đã nêu lên phạm trù giá trị hàng hóa do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa tạo ra. Trên cơ sở phạm trù giá trị - lao động họ đã phân tích, xây dựng nên hàng loạt các lý luận về tiền tệ, lợi nhuận, tiền lương, địa tô,... của nền kinh tế hàng hóa tư bản. Tuy nhiên, bên cạnh những luận điểm khoa học về giá trị, những nhà kinh tế cổ điển Anh lại có những quan điểm sai khác, không khoa học.

W. Petty - người đặt nền móng lý thuyết giá trị lao động khi ông khẳng định, giá cả tự nhiên (tức giá trị hàng hóa) do lao động của người sản xuất hàng hóa tạo ra. Nhưng ông lại cho rằng, lao động tạo nên giá trị chỉ là lao động khai thác bạc (tiền tệ). Lao động trong các ngành khác chỉ tạo nên của cải khi so sánh với lao động tạo ra tiền. Ông nói, giá trị hàng hóa là sự phản

ánh giá trị của tiền như ánh sáng Mặt Trăng phản chiếu ánh sáng Mặt Trời vậy [2, tr.12]. Trong luận điểm nổi tiếng của ông, “lao động là cha còn đất là mẹ của mọi của cải” ông đã xa rời tư tưởng giá trị - lao động khi kết luận, “lao động và đất đai là cơ sở tự nhiên của giá cả mọi vật phẩm”, nghĩa là lao động, đất đai đều là nguồn gốc của giá trị. Đây là mầm mống lý thuyết các nhân tố của sản xuất đều tạo ra giá trị về sau của J.B. Say (1767-1832).

A. Smith (1723-1790), bên cạnh định nghĩa đúng về giá trị: giá trị do lao động hao phí để sản xuất hàng hóa quyết định. Lao động là thước đo thực tế của mọi giá trị (lao động mà ông nói ở đây là tất cả các loại lao động sản xuất), ông lại sai lầm khi đưa ra định nghĩa khác: giá trị là do lao động mà người ta có thể mua được bằng hàng hóa đó quyết định. Theo định nghĩa này, ông suy ra giá trị do lao động tạo ra chỉ đúng trong điều kiện sản xuất hàng hóa giản đơn, còn trong kinh tế tư bản giá trị do các nguồn thu nhập tạo thành. Ông viết “*tiền lương, lợi nhuận, địa tô là ba nguồn gốc đầu tiên của mọi thu nhập cũng như là của bất kỳ giá trị trao đổi nào*” [1, tr.65]. Ở đây, ông đã lẫn lộn giữa sự hình thành giá trị và phân phối giá trị, ông bỏ qua chi phí tư liệu sản xuất trong việc hình thành giá trị. Tư tưởng này của A. Smith đã xa rời lý luận giá trị lao động.

D. Ricardo (1772-1823), gạt bỏ được những sai lầm, mâu thuẫn trong lý luận giá trị của A. Smith. Ông cho rằng, chỉ định nghĩa thứ nhất của A. Smith là đúng: giá trị do lao động hao phí để sản xuất hàng hóa quyết định. Trong kinh tế tư bản, giá trị phải bao gồm cả ba bộ phận ($c + v + m$). Tuy

nhiên, trong lý luận giá trị của ông vẫn còn nhiều hạn chế, sai lầm: Ông không chỉ ra được việc chuyển dịch giá trị từ liệu sản xuất sang sản phẩm, không thấy mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị, coi giá trị là phạm trù vĩnh viễn, là thuộc tính của mọi vật, và cho rằng lao động xã hội cần thiết, quy định lượng giá trị, do điều kiện sản xuất xấu nhất quyết định, chưa phân biệt được giá trị với giá cả sản xuất.

Karl Marx là người đã kế thừa biện chứng các lý thuyết về giá trị - lao động của trường phái kinh tế chính trị cổ điển Anh, gạt bỏ những hạn chế, sai lầm trong các lý thuyết đó, phát triển thành học thuyết khoa học về giá trị. Ông đã xem xét phạm trù giá trị trên tất cả các mặt: chất giá trị, lượng giá trị, hình thức biểu hiện của giá trị, quy luật giá trị.

Một nhân tố quan trọng đã giúp Karl Marx xây dựng nên học thuyết khoa học về giá trị là phát minh của ông về tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa: lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt nên tất cả các hiện tượng kinh tế, các quá trình kinh tế hàng hóa đều có tính hai mặt: hàng hóa có hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị; cơ cấu giá trị gồm giá trị cũ và giá trị mới; năng suất lao động liên quan tới sức sản xuất của lao động và cường độ lao động; của cải xã hội tồn tại dưới hai hình thái: của cải là những giá trị sử dụng, và của cải là giá trị (tiền tệ),... nhờ có phát minh tính chất hai mặt của sản xuất hàng hóa mà Karl Marx đã phân tích quá trình hai mặt của sản xuất của tư bản: “*với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình tạo ra giá trị thì quá*

trình sản xuất là một quá trình sản xuất hàng hóa; với tư cách là sự thống nhất của quá trình lao động và quá trình làm tăng giá trị thì quá trình sản xuất là một quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, là hình thái tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất hàng hóa” [3, tr.294-295]. Từ đó, Karl Marx đưa ra công thức giá trị hàng hóa trong kinh tế tư bản là “ $c+v+m$ ”. Phạm trù giá trị thặng dư (m), do chi phí lao động của công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt. Ông chỉ ra bản chất của quan hệ sản xuất tư bản: “*Bí quyết của sự tăng thêm giá trị của tư bản quy lại là ở chỗ tư bản chi phối được một số lượng lao động không công nhất định của người khác*” [3, tr.753].

Công thức giá trị hàng hóa nêu trên là kết quả chi phí lao động (chi phí lao động sống và chi phí lao động quá khứ), là chi phí thực tế sản xuất hàng hóa. Kết luận đó bác bỏ “tín điều không lồ” của A. Smith cho giá trị hàng hóa chỉ bao gồm các nguồn thu nhập ($v+m$), vạch rõ sự khác biệt (về chất và lượng) giữa chi phí lao động và chi phí sản xuất của tư bản ($k=c+v$), chỉ ra mối liên hệ giữa giá trị thặng dư và lợi nhuận: “*Giá trị thặng dư, hay là lợi nhuận, chính là phần giá trị dôi ra ấy của giá trị hàng hóa so với chi phí sản xuất của nó, nghĩa là phần dôi ra của tổng số lượng lao động chứa đựng trong hàng hóa so với số lượng lao động được trả công chứa đựng trong hàng hóa*” [4, tr.74].

Nếu như Karl Marx và các nhà kinh tế cổ điển Anh phân tích phạm trù giá trị (là cơ sở của giá trị trao đổi, của giá cả) từ phương diện khách quan: từ chi phí lao động thực tế để sản xuất ra hàng hóa, thì có

những nhà kinh tế khác xem xét phạm trù giá trị từ góc độ chủ quan, từ việc hàng hóa đáp ứng nhu cầu người mua như thế nào. Đó là lý thuyết giá trị của các nhà kinh tế trường phái cổ điển mới. Họ phê phán học thuyết giá trị - lao động, đưa ra tư tưởng ích lợi giới hạn, là ích lợi của vật phẩm cuối cùng (sản phẩm giới hạn) đưa ra thỏa mãn nhu cầu, ích lợi đó là nhỏ nhất, nó quy định giá trị giới hạn của vật phẩm. Giá trị giới hạn quyết định giá trị tất cả các sản phẩm khác. *“Giá trị của vật phẩm được quy định bởi số lượng ích lợi giới hạn”* [5, tr.279].

Lý thuyết giá trị của họ là lý thuyết giá trị ích lợi chủ quan. Bằng việc ứng dụng toán học vào phân tích, lượng hóa các quan hệ kinh tế, trường phái cổ điển mới được gọi là trường phái kinh - toán học. Các lý thuyết của trường phái cổ điển mới như: Các lý thuyết kinh tế của phái thành Viên (các đại biểu như C. Menger (1840-1921), Bohm Bawerk (1851-1914); Lý thuyết “giới hạn” ở Mỹ, tiêu biểu là J.B Clark (1847-1938); Lý thuyết kinh tế của trường phái Cambridge (Anh), người sáng lập là A. Marshall (1842-1924), ông đồng ý với các nhà kinh tế cổ điển khi cho rằng, giá trị hàng hóa “chính là cái vừa đủ để trang trải toàn bộ chi phí sản xuất, tiền lương, lợi tức và lợi nhuận,...” nhưng ông phê phán quan điểm cổ điển (kể cả Karl Marx) chỉ xem xét giá trị dưới góc độ khách quan, chỉ thấy chi phí của các yếu tố sản xuất quy định giá cả, coi nhẹ những ảnh hưởng của cầu; Trường phái giới hạn lại quá coi trọng mức độ ích lợi hàng hóa thỏa mãn nhu cầu con người, bỏ qua tác động của chi phí sản xuất.

Tuy có đưa ra quan điểm về giá trị hàng hóa, nhưng A. Marshall cho rằng, một khi hàng hóa đã đưa ra thị trường thì người ta không quan tâm cái gì tạo nên giá trị, mà chỉ quan tâm tới giá cả hàng hóa dưới tác động của cung, cầu. Vì vậy, theo ông tiếp tục bàn luận về giá trị là không cần thiết. Quan điểm này của ông mở ra hướng nghiên cứu thực dụng trong kinh tế [6, tr.52].

3. KẾT LUẬN

Karl Marx không nghiên cứu thực dụng kinh tế hàng hóa nói chung, ông nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản bắt đầu từ nghiên cứu hàng hóa (tức là nghiên cứu dưới giác độ kinh tế - chính trị). Học thuyết giá trị - lao động mà ông kế thừa chọn lọc từ trường phái cổ điển và phát triển, hoàn thiện nó, là cơ sở để ông xây dựng nên tất cả các học thuyết kinh tế của mình, trực tiếp là học thuyết giá trị thặng dư - phát hiện vĩ đại của Karl Marx, vạch rõ bản chất quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Quá trình phân tích quan hệ sản xuất tư bản, Karl Marx cũng phát hiện, làm sáng tỏ nhiều quy luật, phạm trù của nền sản xuất hàng hóa tư bản (giai đoạn tự do cạnh tranh), như quy luật giá trị thặng dư, quy luật tích lũy, sự nâng cao cấu tạo hữu cơ tư bản, quy luật hình thành lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất, xu hướng hạ thấp tỷ suất lợi nhuận,... Tất cả những nội dung nêu trên cho thấy vị trí đặc biệt quan trọng của học thuyết giá trị - lao động trong toàn bộ các học thuyết kinh tế của Karl Marx, cũng như trong lịch sử phát triển các lý thuyết khác nhau về giá trị hàng hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đại học kinh tế quốc dân (1996), *Môn lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Trình (2002), *Sự phát triển các học thuyết kinh tế*, Nxb Lao động - xã hội.
- [3] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] C. Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] *Trường phái Áo trong kinh tế chính trị*, M, 1992, (tiếng Nga)
- [6] Hoàng Lan Hương, *Lý thuyết kinh tế của Alfred marshall, người sáng lập trường phái tân cổ điển*, Tạp chí: Những vấn đề kinh tế thế giới, Số 6(26).

Ngày nhận bài: 16-4-2018. Ngày biên tập xong: 23-4-2018. Duyệt đăng: 19-5-2018.